TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth.

2. Ông Triệu Khánh Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2022, về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh Th, sinh năm 1995; *là người đại diện theo ủy quyền* (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* - Ông Huỳnh Kha L, sinh năm 1958 (Có mặt).

- Bà Lâm Thị B, sinh năm 1953 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Nhà không số ấp H, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2021 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 23/6/2016, ông H có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Huỳnh Kha L và bà Lâm Thị B, lúc đó hai bên thỏa thuận mua bán nhưng không lập thành văn bản. Đến ngày 09/02/2020, hai bên tiến hành ký hợp đồng mua bán và giao nhận hàng hóa thông qua sổ giao nhận hàng. Từ năm 2016, ông H đã tiến hành bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông L – bà B, hàng hóa được nhân viên giao tận nhà cho vợ chồng ông L – bà B hoặc người nhà của vợ chồng ông L – bà B đến lấy hàng tại kho của ông H. Vợ chồng ông L – bà B có kiểm tra, ký đối chiếu, xác nhận công nợ, cuối vụ thu hoạch phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Nếu công nợ cao, vợ chồng ông L – bà B không thanh toán thì ông H có quyền cắt hàng và yêu cầu thanh toán toàn bộ công nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Đại H đã giao hàng đúng yêu cầu đặt hàng của vợ chồng ông L – bà B, sau khi nhận hàng, vợ chồng ông L – bà B không có phàn nàn gì về số lượng, chất lượng hàng hóa được giao, nhưng vợ chồng ông L – bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 28/4/2020, vợ chồng ông L – bà B trả lần cuối được 9.000.000đ (chín triệu đồng) rồi ngưng không trả nữa. Hiện nay, vợ chồng ông L – bà B còn nợ của ông H 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng). Mặc dù, ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L - bà B trả tiền hàng nhưng ông bà vẫn không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện, ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L - bà B phải thanh toán số nợ gốc là 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm trên số nợ gốc với số tiền là 44.103.000đ (bốn mươi bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng ông L – bà B trả tiền lãi như đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông L – bà B trả cho ông H nợ gốc là 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Huỳnh Kha L trình bày: Vợ chồng ông Huỳnh Kha L và bà Lâm Thị B có mua thức

ăn nuôi Tôm của ông Trần Đại H từ năm 2016, đến năm 2020, hai bên mới ký hợp đồng. Trong quá trình mua thức ăn nuôi Tôm và thuốc thủy sản. Lúc đầu, vợ chồng ông L trả đủ nhưng đến sau này nuôi Tôm thua lỗ, vợ chồng ông L không có khả năng trả và vợ chồng ông L có ký đối chiếu công nợ với ông H và còn nợ ông H số tiền là 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) đúng như yêu cầu khởi kiện của ông H.

Hiện nay, vợ chồng ông L không còn nuôi Tôm nữa, do vợ chồng ông đã lớn tuổi, có đau bệnh nên nay ông L xin bên ông H gia hạn cho vợ chồng ông, mỗi năm sẽ trả cho ông H 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị B, trong quá trình giải quyết vụ án: Bà B thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Huỳnh Kha L, không bổ sung gì thêm và bà B có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản lấy lời khai của các đương sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Kha L – bà Lâm Thị B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H số nợ mua thức ăn nuôi Tôm còn thiếu là 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng). Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa nguyên đơn là ông Trần Đại H và bị đơn là ông Huỳnh Kha L – bà Lâm Thị B là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lâm Thị B có đơn xin vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt, bà B có trình bày rõ nguyện vọng của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà B.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 28/42020, hai bên tiến hành làm việc xác nhận công nợ, cũng như quá trình giải quyết vụ án và như tại phiên tòa, hai bên đương sự đều thống nhất xác nhận công nợ là vợ chồng ông L – bà B nợ của ông H số tiền 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng), nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán và phương thức thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) là có căn cứ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Kha L xin gia hạn mỗi năm sẽ trả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi dứt số nợ nêu trên nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông L – bà B còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468

của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông L – bà B phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên ông L – bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Đại H đối với bị đơn ông Huỳnh Kha L và bà Lâm Thị B, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Huỳnh Kha L và bà Lâm Thị B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H số tiền nợ là 294.022.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Huỳnh Kha L và bà Lâm Thị B phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Kha L và bà Lâm Thị B phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.701.100đ (mười bốn triệu bảy trăm lẻ một nghìn một trăm đồng) nhưng do ông L và bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên ông L và bà B không phải chịu án phí.

- Ông Trần Đại H không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.453.125đ (tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0002285 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Nguyên đơn và bị đơn ông Huỳnh Kha L có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn bà Lâm Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU